

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI

Bản án số: 10 /2024/DS-ST

Ngày: 11 - 4- 2024
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Kha

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị H1

2. Bà Bùi Thị C

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Minh Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2024 tại phòng xét xử Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2023/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐST- DS ngày 23 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2024/QĐST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2024

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L - sinh năm 1992

Địa chỉ: Tổ dân phố C, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

Bị đơn: bà Võ Thị Anh N - sinh năm 1984 và ông Phạm Xuân S –sinh năm 1980

Địa chỉ: Tổ dân phố D, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ **Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:**

Xuất phát từ chỗ quen biết nên bà Nguyễn Thị L có cho vợ chồng bà Võ Thị Anh N vay nhiều lần để chi tiêu trong gia đình, cụ thể các lần vay:

Ngày 19/01/2023 cho vợ chồng bà N vay số tiền 50.000.000 đồng. Khi vay bà N hẹn 01 tháng trả. Khi cho vay thì không tính lãi suất

Đến chiều cùng ngày 19/01/2023 tiếp tục cho vợ chồng bà N vay số tiền 50.000.000 đồng để vợ chồng bà N chi tiêu cho gia đình. Thời hạn vay ;là 02 tháng.

Khi cho vay thì không tính lãi suất.

Tổng cộng bà **L** cho vợ chồng bà **N** vay 02 lần với số tiền 100.000.000 đồng. Đến thời hạn trả nợ thì bà **L** nhiều lần đến đòi nợ nhưng vợ chồng bà **N** né tránh không chịu trả.

Nay bà **Nguyễn Thị L** yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ giải quyết buộc vợ chồng bà **Võ Thị Ánh N**, ông **Phạm Xuân S** trả 100.000.000 đồng tiền nợ gốc. Về tiền lãi bà **L** không yêu cầu.

Đối với số tiền cho vợ chồng bà **N** vay là tài sản riêng của bà, không liên quan gì đến chồng bà.

2/ Trong quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai ngày 05/12/2023 bị đơn bà Võ Thị Ánh N trình bày: Ngày 19/01/2023 bà có vay của bà **Nguyễn Thị L** 02 lần với tổng số tiền 100.000.000 đồng (Mỗi lần 50.000.000 đồng), mục đích vay tiền của bà **L** để trả nợ lại cho người khác do làm ăn thua lỗ. Theo giấy vay tiền là không ghi lãi suất nhưng hai bên thỏa thuận miệng là lãi suất 7%/ tháng. Bà **Võ Thị Ánh N** đã trả cho bà **L** được 03 tháng tiền lãi. Ngày 29/5/2023 bà đã trả cho bà **Nguyễn Thị L** được 20.000.000 đồng tiền gốc, ngày 06/11/2023 trả 10.000.000 đồng. Tổng cộng bà trả cho bà **Nguyễn Thị L** được 30.000.000 đồng tiền gốc. Hiện bà còn nợ bà **Nguyễn Thị L** số tiền gốc 70.000.000 đồng.

Khi vay tiền của bà **L** thì ông **Phạm Xuân S** không biết. Nhưng nay ông **S** đã biết và đồng ý cùng bà **N** trả nợ cho bà **L**. Nay bà **N** đồng ý trả nợ cho bà **L**, nhưng hiện giờ chưa có tiền trả.

3/ Bị đơn ông Phạm Xuân S trình bày: Ông **Phạm Xuân S** đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có ý kiến liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn bà **Nguyễn Thị L** chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ; bị đơn bà **Võ Thị Ánh N**, ông **Phạm Xuân S** chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về hướng giải quyết: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc vợ chồng bà **Võ Thị Ánh N**, ông **Phạm Xuân S** có nghĩa vụ trả cho bà **Nguyễn Thị L** số tiền vay gốc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 10 tháng 10 năm 2023 nguyên đơn là bà **Nguyễn Thị L** khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà **Võ Thị Ánh N**, ông **Phạm Xuân S** ở tổ dân phố **D**, phường **N**, thị xã **Đ**, tỉnh **Quảng Ngãi** trả nợ. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn bà **Võ Thị Ánh N**, **Phạm Xuân S** triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ

Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Xuất phát từ chỗ quen biết nên bà Nguyễn Thị L có cho vợ chồng bà N vay 02 lần với tổng số tiền 100.000.000 đồng. Bị đơn bà Võ Thị Ánh N cũng thừa nhận nhiều lần 02 lần của bà L với số tiền 100.000.000 đồng. Đây là tình tiết không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Võ Thị Ánh N cho rằng giấy vay tiền không ghi lãi suất nhưng các bên thoản thỏa thuận miệng lãi suất 7%/ tháng . Nhưng bà N không đưa ra được tài liệu chứng minh khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất 7% / tháng và bà N cũng không cung cấp được chứng cứ đã trả cho bà L 30.000.000 đồng. Như vậy, có căn cứ để khẳng định rằng giữa bà Nguyễn Thị L với bà Võ Thị Ánh N có xác lập hợp đồng vay tài sản là có thật. Đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015. Khi giao kết hợp đồng các bên hoàn toàn tự nguyện, các bên có đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung hợp đồng không trái với quy định của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội nên đủ điều kiện phát sinh hiệu lực của hợp đồng theo quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015. Sau khi vay, mặc dù đã đến thời hạn phải trả số tiền vay nhưng bà Võ Thị Ánh N không thực hiện việc trả nợ cho bà L như thỏa thuận trong giấy vay. Như vậy, việc bà N không trả nợ cho bà L khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Bà Võ Thị Ánh N cho rằng đã cho bà Nguyễn Thị L được 30.000.000 đồng tiền gốc nhưng bà không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Vì vậy không có căn cứ cho rằng bà Võ Thị Ánh N đã trả cho bà L 30.000.000 đồng tiền gốc.

Qua làm việc bà Võ Thị Ánh N cho biết cho biết mục đích vay tiền là để trả nợ cho người khác do làm ăn thua lỗ. Mặc khác bà N cho biết khi bà L đến đòi nợ thì ông S đều biết và thống nhất cùng chị N trả nợ cho bà L. Vì vậy việc nguyên đơn yêu cầu vợ chồng bà Võ Thị Ánh N, ông Phạm Xuân s trả tiền vay gốc 100.000.000 đồng cho vợ chồng nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn: bà Nguyễn Thị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án bà Võ Thị Ánh N trình bày đã trả được 30.000.000 đồng tiền vay gốc cho bà L. Nhưng bà Võ Thị Ánh N không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc đã trả 30.000.000 đồng tiền vay gốc cho bà L. Nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì vợ chồng bà Võ Thị Ánh N, ông Phạm Xuân S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 100.000.000 đồng x 5%= 5.000.000 đồng đồng.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí 2.500.000 đồng mà chị L đã nộp tại biên lai số 0001157 ngày 24/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ).

[5] Xét ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 117, Điều 463, Điều 466, Điều 468, khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L. Buộc vợ chồng bà Võ Thị Ánh N, ông Phạm Xuân S có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền vay gốc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu)

Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì vợ chồng bà Võ Thị Ánh N, ông Phạm Xuân S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí 2.500.000 đồng (Hai triệu, năm trăm ngàn) mà bà L đã nộp tại biên lai số 0001157 ngày 24/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ.

Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị L, bà Võ Thị Ánh N, ông Phạm Xuân S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND thị xã Đức Phổ;
- TAND tỉnh;
- THDS thị xã Đức Phổ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đã ký

Nguyễn Minh Kha

